

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 4 trang)

Mã đề thi: 132

Họ, tên thí sinh:SBD:.....

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây **không phải** do hoạt động gió mùa nước ta tạo thành?

- A. Khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng. B. Khí hậu mang tính hải dương ẩm ướt.
C. Miền Bắc có một mùa đông lạnh, D. Chế độ nước sông thay đổi theo mùa.

Câu 2: Nhận định nào sau đây **không** đúng với tình hình phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Tây Nguyên?

- A. Cà phê là cây công nghiệp quan trọng số 1 ở Tây Nguyên.
B. Tây Nguyên là vùng có diện tích trồng chè lớn nhất nước ta.
C. Đắc Lắc là tỉnh có diện tích cà phê lớn nhất vùng.
D. Tây Nguyên là vùng trồng cao su lớn thứ 2 ở nước ta.

Câu 3: Xu hướng quan trọng nhất trong phát triển công nghiệp của các quốc gia Đông Nam Á

- A. chú trọng phát triển các ngành công nghiệp cao.
B. xây dựng các khu công nghiệp.
C. chú trọng xây dựng các công trình thủy điện.
D. tăng cường liên doanh hợp tác với nước ngoài.

Câu 4: Căn cứ vào Át Lát Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết các cửa sông nào sau đây là cửa của hệ thống sông Hồng?

- A. Ba Lạt, Trà Lí, Lạch Giang. B. Lạt Trường, Ba Lạt, Trà Lí.
C. Văn Úc, Trà Lý, Ba Lạt. D. Cầm. Văn Úc, Trà Lí.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, các trung tâm công nghiệp thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là

- A. Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Bình Định B. Đà Nẵng, Huế, Quảng Ngãi, Quy Nhơn.
C. Quảng Nam, Huế, Quảng Ngãi, Quy Nhơn D. Đà Nẵng, Huế, Quảng Nam, Quy Nhơn

Câu 6: Duyên hải Nam Trung Bộ sẽ có vai trò quan trọng hơn đối với các tỉnh Tây Nguyên, khu vực Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan khi

- A. nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc – Nam. B. xây dựng và nâng cấp các cảng nước sâu.
C. phát triển các tuyến đường ngang. D. khôi phục và hiện đại hóa hệ thống sân bay.

Câu 7: Ý nào sau đây **không** đúng với vấn đề phát triển ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ ?

- A. Nghệ An là tỉnh trọng điểm nghề cá của Bắc Trung Bộ.
B. Việc nuôi thủy sản nước ngọt, nước mặn chưa được chú trọng phát triển.
C. Phần lớn tàu thuyền có công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.
D. Các tỉnh Bắc Trung Bộ đều có khả năng phát triển nghề cá biển.

Câu 8: Cơ cấu công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ chưa thật định hình là do

- A. thiếu nguồn lao động, đặc biệt lao động có tay nghề. B. những hạn chế về điều kiện kỹ thuật, vốn.
C. hạn chế về nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản. D. không có tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn.

Câu 9: Ngành công nghiệp khai thác nguyên, nhiên liệu của nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ
D. Đông Nam Bộ, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 10: Căn cứ vào Át Lát Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị nào sau đây ở nước ta là đô thị loại 3?

- A. Đồng Hới, Hưng Yên, Tân An, Kon Tum. B. Thái Bình, Đà Lạt, Cà Mau, Trà Vinh.
C. Sơn La, Thái Nguyên, Pleiku, Cao Bằng D. Lạng Sơn, Quy Nhơn, Vĩnh Long, Quảng Trị.

Câu 11: Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có nước ngọt vào mùa khô để thau chua rửa mặn đất.
B. đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản.

- C. tạo ra các giống lúa chịu được mặn, được phèn.
- D. duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.

Câu 12: Phải đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng vì

- A. tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng còn chậm so với cả nước.
- B. góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.
- C. khả năng khai thác, sử dụng và cải tạo tự nhiên của vùng còn rất lớn.
- D. việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

Câu 13: Khó khăn về mặt tự nhiên đối với việc phát triển trồng cây công nghiệp, cây dược liệu và cây ăn quả ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đất đai thường xuyên bị xói mòn, rửa trôi, trượt lở.
- B. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối và thiếu nước về mùa đông.
- C. địa hình núi cao, hiểm trở, chia cắt mạnh.
- D. các thiên tai lũ nguồn, lũ quét thường xuyên xảy ra.

Câu 14: Căn cứ vào Át Lát Địa lí Việt Nam trang 18, phần lớn diện tích đất của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.
- B. Đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm.
- C. đất lâm nghiệp có rừng,
- D. đất phi nông nghiệp.

Câu 15: Nguyên nhân chính tạo nên sự phát triển “ thần kì” của kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1950 – 1973 là

- A. sự hỗ trợ về vốn và kĩ thuật của Hoa Kỳ.
- B. chú trọng hiện đại hóa công nghiệp.
- C. tập trung phát triển 5 ngành mũi nhọn .
- D. duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.

Câu 16: Căn cứ vào Át Lát Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô từ trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng

- A. Vũng Tàu, Cần Thơ, Hạ Long, Hải Phòng, Đà Nẵng.
- B. Đà Nẵng, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Cần Thơ, Hải Phòng,
- C. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Biên Hoà, Cần Thơ.
- D. Hải Phòng, Đà Nẵng, Biên Hoà, Vũng Tàu, Cần Thơ.

Câu 17: Căn cứ vào Át Lát Địa lí Việt Nam trang 22, nhà máy thủy điện Cửa Đạt trên sông

- A. Cả.
- B. Đà.
- C. Chảy
- D. Chu

Câu 18: Phát biểu nào sau đây đúng về tình hình nuôi trồng thủy sản ở nước ta?

- A. Sản lượng nuôi tôm lớn nhất thuộc về vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- B. Nhiều loại thủy sản đã trở thành đối tượng nuôi trồng nhưng quan trọng hơn cả là cá.
- C. Tỉnh Hậu Giang nổi tiếng về nuôi cá tra, cá ba sa trong lồng bè trên sông Tiền, sông Hậu.
- D. Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng.

Câu 19: Trong các trụ cột sau, công nghệ nào giúp cho các nước dễ dàng liên kết với nhau hơn?

- A. Công nghệ thông tin
- B. Công nghệ năng lượng.
- C. Công nghệ sinh học.
- D. Công nghệ vật liệu.

Câu 20: Điểm cần chú ý về mặt môi trường khi xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đảm bảo không ô nhiễm môi trường.
- B. tính toán đến những thay đổi của thiên nhiên.
- C. bảo vệ các cảnh quan thiên nhiên hiện có.
- D. phải gắn với sự phát triển công nghiệp của vùng.

Câu 21: Căn cứ vào Át Lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết Việt Nam có mấy tỉnh tiếp giáp với Campuchia?

- A. 9
- B. 12
- C. 10
- D. 11

Câu 22: Ý nào sau đây đúng với công nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nha Trang là trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng.
- B. Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng rất phong phú.
- C. Dẫn đầu cả nước về mức độ tập trung các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất.
- D. Công nghiệp chủ yếu là cơ khí, chế biến nông- lâm- thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 23: Các nước sáng lập ra tổ hợp công nghiệp hàng không E-bót là:

- A. Đức, Pháp, Anh.
- B. Anh, Pháp, Hà Lan.
- C. Đức, Ý, Anh.
- D. Pháp, Tây Ban Nha, Anh.

Câu 24: Biện pháp quan trọng hàng đầu của khai thác theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là giải quyết vấn đề

- A. cơ sở năng lượng. B. tài chính, ngân hàng.
C. xây dựng các công trình thủy lợi lớn. D. cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc.

Câu 25: Thế mạnh nổi bật về dân cư và lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. đông dân, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật tập trung phần lớn ở các đô thị.
B. số dân đông, lao động dồi dào, có kinh nghiệm và trình độ.
C. dân đông, nguồn lao động dồi dào với truyền thống và kinh nghiệm sản xuất phong phú.
D. dân đông, chất lượng lao động đứng hàng đầu cả nước.

Câu 26: Vùng cực Nam Trung Bộ chuyên về trồng nho, thanh long, chăn nuôi cừu đã thể hiện:

- A. Việc áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng.
B. Sự chuyển đổi mùa vụ từ Bắc vào Nam, từ đồng bằng lên miền núi.
C. Các tập đoàn cây, con được phân bố phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp.
D. Việc khai thác tốt hơn tính mùa vụ của nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, các trung tâm công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Việt Trì, Thái Nguyên, Hạ Long, Uông Bí. B. Thái Nguyên, Việt Trì, Bắc Ninh, Cẩm Phả.
C. Việt Trì, Thái Nguyên, Hạ Long, Cẩm Phả. D. Việt Trì, Phúc Yên, Thái Nguyên, Hạ Long.

Câu 28: Điều kiện tự nhiên ở miền Tây Trung Quốc thuận lợi nhất cho phát triển ngành nông nghiệp nào?

- A. Chăn nuôi cừu. B. Trồng cây lương thực.
C. Cây ăn quả. D. Củ cải đường.

Câu 29: Nhận định nào sau đây **không** đúng với sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

- A. Chè được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
B. Dừa được trồng nhiều nhất ở Đồng Bằng sông Cửu Long.
C. Điều được trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên.
D. Hồ tiêu được trồng chủ yếu ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 30: Gió mùa Tây Nam thổi vào nước ta từ tháng 5 đến tháng 7 có nguồn gốc từ khối khí nào trong các khối khí sau đây?

- A. Cục lực địa phương Bắc. B. Nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
C. Chí tuyến bán cầu Bắc. D. Chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 31: Căn cứ vào trang 19 của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2007?

- A. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng gấp gần 1,6 lần.
B. Tỷ trọng gia cầm có xu hướng giảm khá nhanh.
C. Tỷ trọng gia súc luôn cao nhất nhưng có xu hướng giảm.
D. Tỷ trọng sản phẩm không qua giết thịt thấp và ít biến động.

Câu 32: Cho bảng số liệu sau :

SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	1985	1995	2005
Đông Nam Á	3,4	4,9	6,4
Thế giới	4,2	6,3	9,0

(Nguồn: Hình 11.7 trang 106, SGK Địa lí 11)

Để thể hiện tỉ trọng sản lượng cao su của các nước Đông Nam Á so với thế giới qua các năm 1985, 1995, 2005 biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất ?

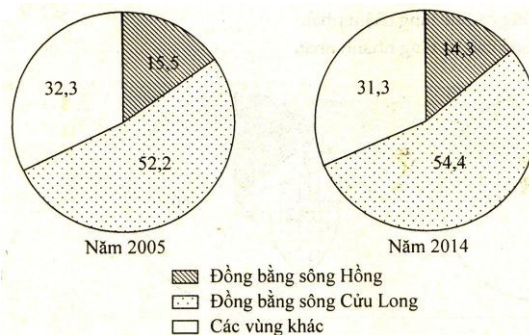
- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ đường. C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ miền.

Câu 33: Điểm tương đồng về phát triển nông nghiệp giữa các nước Đông Nam Á và các nước Mĩ La tinh là có

- A. thế mạnh về phát triển các cây lương thực.
B. thế mạnh về phát triển các cây thực phẩm
C. thế mạnh về các cây công nghiệp nhiệt đới.
D. thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 34: Cho biểu đồ như hình bên:

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?



- A. Quy mô và cơ cấu diện tích gieo trồng lúa cả năm của nước ta năm 2005 và 2014.
- B. Quy mô diện tích gieo trồng lúa cả năm của nước ta năm 2005 và 2014.
- C. Cơ cấu diện tích gieo trồng lúa cả năm của nước ta năm 2005 và 2014.
- D. Sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng lúa cả năm của nước ta trong giai đoạn 2005- 2014.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các lễ hội truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. Đền Hùng, Chùa Hương, Bà Chúa Xứ.
- B. Hội chọi trâu, Phú Giày, Tây Sơn.
- C. Yên Tử, Hội chọi trâu, Cổ Loa.
- D. Cổ Loa, Phú Giày, Chùa Hương.

Câu 36: Một trong những phương hướng giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay là thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất, chú ý thích đáng đến hoạt động của các ngành

- A. thủ công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. dịch vụ.
- D. xây dựng.

Câu 37: Theo quy hoạch của Bộ công nghiệp (2001), tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng công nghiệp 2 ở nước ta?

- A. Quảng Ninh.
- B. Hòa Bình.
- C. Thái Bình.
- D. Hà Tĩnh.

Câu 38: Ngành viễn thông hiện nay ở nước ta có đặc điểm nổi bật là:

- A. mạng lưới và thiết bị viễn thông còn cũ kỹ lạc hậu.
- B. các dịch vụ viễn thông nghèo nàn, tính phục vụ chưa cao.
- C. chủ yếu phục vụ cho các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, cơ sở sản xuất.
- D. tốc độ phát triển nhanh vượt bậc, đón đầu được các thành tựu kĩ thuật hiện đại.

Câu 39: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG NGŨ Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, TÂY NGUYÊN QUA CÁC NĂM

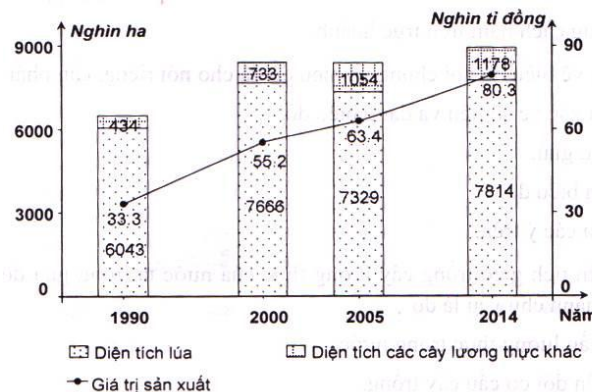
Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng(nghìn tấn)	
	2005	2014	2005	2014
Trung du và miền núi Bắc Bộ	371,5	515,3	1043,3	1890,5
Tây Nguyên	236,6	249,6	963,1	1326,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015. Nhà xuất bản thống kê 2016)

Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích và sản lượng ngô của Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên

- A. Diện tích ngô ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng.
- B. Diện tích, sản lượng ngô ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên đều tăng.
- C. Diện tích ngô ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng nhanh hơn diện tích ngô Tây Nguyên.
- D. Sản lượng ngô ở Tây Nguyên tăng ít hơn sản lượng ngô Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 40: Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng, giá trị sản xuất của cây lương thực ở nước ta trong giai đoạn 1990-2014?

- A. Giá trị sản xuất cây lương thực ở nước ta giai đoạn 1990-2014 tăng hơn 2,7 lần.
- B. Năm 1990, cây lúa có tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích cây lương thực nước ta.
- C. Giai đoạn 1990-2014 diện tích lúa có tốc độ tăng nhanh hơn diện tích các cây lương thực khác.
- D. Năm 2014, giá trị sản xuất cây lương thực ở nước ta đạt thấp nhất.

ĐÁP ÁN

Mã đề 132

Mã đề 209

Mã đề 357

Mã đề 485

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	1	B	1	D	1	A
2	B	2	B	2	C	2	D
3	D	3	A	3	B	3	B
4	A	4	D	4	B	4	D
5	B	5	D	5	A	5	C
6	C	6	D	6	C	6	B
7	B	7	C	7	B	7	B
8	B	8	A	8	B	8	C
9	D	9	A	9	A	9	D
10	A	10	D	10	B	10	B
11	A	11	A	11	A	11	C
12	D	12	C	12	C	12	B
13	B	13	D	13	A	13	D
14	C	14	A	14	D	14	A
15	D	15	D	15	B	15	D
16	D	16	B	16	D	16	B
17	D	17	C	17	B	17	C
18	D	18	A	18	C	18	C
19	A	19	D	19	C	19	A
20	B	20	C	20	D	20	C
21	C	21	A	21	C	21	C
22	D	22	C	22	C	22	A
23	A	23	A	23	D	23	B
24	A	24	B	24	D	24	C
25	B	25	C	25	B	25	D
26	C	26	C	26	B	26	B
27	C	27	A	27	B	27	B
28	A	28	B	28	D	28	B
29	C	29	C	29	C	29	C
30	B	30	B	30	D	30	A
31	C	31	D	31	A	31	A
32	A	32	B	32	B	32	D
33	C	33	B	33	C	33	D
34	C	34	A	34	A	34	A
35	D	35	A	35	C	35	A
36	C	36	C	36	B	36	B
37	B	37	D	37	A	37	D
38	D	38	C	38	A	38	D
39	A	39	B	39	D	39	B
40	B	40	C	40	D	40	A